BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO: QUẢN LÝ BẤT ĐỘNG SẢN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TM94109: ĐĂNG KÝ THỐNG KÊ ĐẤT ĐAI
(LAND REGISTRATION AND STATISTIC)

I. Thông tin về học phần

- Học kì: 6
- Tín chỉ: **Tổng số tín chỉ 4 (Lý thuyết 2 – Thực hành 2)**
- Giờ học tập:

Hoạt động học tập	**Giờ chuẩn (tiết)**	**Giờ thực tế (tiết)**
Học lý thuyết trên lớp	20	20
Thuyết trình và thảo luận trên lớp	10	10
Thực hành/thực tập/thí nghiệm trong trường	30	60
Kiểm tra đánh giá	-	4
Giờ tự học	-	106
Tổng số tiết	**60**	**200**

- Đơn vị phụ trách:
  - Bộ môn: Quản lý đất đai
  - Khoa: Tài nguyên và môi trường
- Học phần thuộc khối kiến thức:

Đại cương □		Cơ sở ngành □		Chuyên ngành ☒			
				Chuyên sâu 1 ☒		Chuyên sâu … □	
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc ☒	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Anh ☐ Tiếng Việt ☒

II. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO), mục tiêu và chuẩn đầu ra của học phần (CLO)

2.1. Các chuẩn đầu ra và chỉ báo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PI) mà học phần đóng góp

Bảng 1. Mức độ đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của CTĐT

Chuẩn đầu ra của CTĐT	**Chỉ báo chuẩn đầu ra của CTĐT**	**Mức độ đóng góp của học phần cho Chuẩn đầu ra của CTĐT**
PLO1. Áp dụng kiến thức khoa học tự nhiên, kinh tế - chính trị - xã hội, pháp luật, sinh thái, môi trường và sự hiểu biết	PI 1.2. Áp dụng kiến thức kinh tế - chính trị - xã hội, pháp luật trong lĩnh vực bất động sản.	R

Chuẩn đầu ra của CTĐT	Chỉ báo chuẩn đầu ra của CTĐT	Mức độ đóng góp của học phần cho Chuẩn đầu ra của CTĐT
về các vấn đề đương đại trong lĩnh vực bất động sản.		
Kiến thức chung cho nhóm ngành		
PLO2 Áp dụng kiến thức để xây dựng dự án nghiên cứu trong lĩnh vực quản lý, sử dụng đất	PI 2.2. Áp dụng kiến thức xây dựng dự án nghiên cứu trong công tác đăng ký thống kê đất đai, quy hoạch, tài chính đất đai và bất động sản.	R
Kiến thức chuyên môn		
PLO 3: Phân tích các hoạt động quản lý và kinh doanh bất động sản để phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế xã hội.	PI 3.1. Phân tích các hoạt động quản lý bất động sản phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế xã hội.	R
PLO 4: Đề xuất giải pháp quản lý và kinh doanh bất động sản đáp ứng các yêu cầu của nền kinh tế thị trường.	PI 4.1. Đề xuất giải pháp quản lý bất động sản đáp ứng các yêu cầu của nền kinh tế thị trường.	R
Kỹ năng chung		
PLO 5: Giao tiếp đa phương tiện, đa văn hóa, sử dụng thành thạo công nghệ thông tin và ngoại ngữ trong lĩnh vực Quản lý bất động sản.	PI 5.1. Ứng xử phù hợp với các bên có liên quan trong môi trường làm việc chuyên nghiệp đa văn hóa, đa ngôn ngữ.	R
Kỹ năng chuyên môn		
PLO 6: Sử dụng các nghiệp vụ hành chính để phục vụ hiệu quả các hoạt động chuyên môn thuộc ngành Quản lý bất động sản.	PI 6.2. Sử dụng hiệu quả các nghiệp vụ hành chính trong công tác đăng ký, thống kê đất đai, quy hoạch, quản lý và kinh doanh bất động sản.	R
Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
PLO 7: Thích ứng làm việc độc lập hoặc làm việc nhóm, năng động, sáng tạo, có đạo đức nghề nghiệp, hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ và tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn thuộc lĩnh vực bất động sản.	PI 7.2. Đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân thuộc lĩnh vực Quản lý bất động sản.	R

2.2. Mục tiêu của học phần

- Định hướng và thực hiện thành thạo các nghiệp vụ chuyên môn về đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và lập hồ sơ địa chính tại các cơ quan quản lý nhà nước hoặc các tổ chức kinh tế theo đúng quy định pháp luật hiện hành.

- Giải quyết độc lập hoặc chủ trì giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn quản lý đất đai thường xuyên; có năng lực tự học hỏi, cập nhật văn bản quy phạm pháp luật và thích ứng tốt trong môi trường làm việc chuyên nghiệp thuộc lĩnh vực bất động sản.

2.3. Chuẩn đầu ra và chỉ báo chuẩn đầu ra của học phần (CI)

Bảng 2. Chuẩn đầu ra và chỉ báo chuẩn đầu ra học phần

Chuẩn đầu ra của học phần	Chỉ báo chuẩn đầu ra học phần	Chỉ báo chuẩn đầu ra của CTĐT
Kiến thức		
CLO1: Vận dụng được hệ thống văn bản pháp luật, chính sách kinh tế - xã hội vào công tác quản lý nhà nước về đăng ký và thống kê đất đai.	CI 1.1: Giải thích được nền tảng pháp lý (Luật Đất đai) và vai trò kinh tế - xã hội của công tác đăng ký đất đai qua các thời kỳ	PI 1.2: Áp dụng kiến thức kinh tế - chính trị - xã hội, pháp luật trong lĩnh vực bất động sản.
	CI 1.2: Áp dụng đúng các quy định pháp luật để phân loại đất và xác định đối tượng sử dụng đất phục vụ quản lý.	
CLO2: Phối hợp xây dựng được các nội dung chuyên môn, đề xuất giải pháp kỹ thuật trong dự án/nhiệm vụ về đăng ký, cấp giấy chứng nhận và thống kê đất đai.	CI 2.1: Xác định được thành phần hồ sơ, quy trình kỹ thuật cần thiết để triển khai một nhiệm vụ đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận	PI 2.2: Áp dụng kiến thức xây dựng dự án nghiên cứu trong công tác đăng ký thống kê đất đai, quy hoạch, tài chính đất đai và bất động sản.
	CI 2.2: Thiết lập được phương án tổ chức, biểu mẫu và quy trình thu thập số liệu cho một kỳ thống kê, kiểm kê đất đai cụ thể.	
CLO3: Phân tích được thực trạng dữ liệu địa chính, biến động đất đai và cấu trúc quỹ đất để phục vụ cho các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội.	CI 3.1: Phân tích được tính biến động, xu hướng dịch chuyển quyền sử dụng đất và tài sản thông qua hồ sơ đăng ký biến động .	PI 3.1: Phân tích các hoạt động quản lý bất động sản phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế xã hội.
	CI 3.2: Đánh giá được hiện trạng sử dụng và hiệu quả quản lý quỹ đất dựa trên kết quả số liệu thống kê đất đai.	
CLO4: Đề xuất được các giải pháp cải tiến quy trình hành chính, khai thác thông tin đất đai nhằm tối ưu hóa hoạt động của thị trường bất động sản.	CI 4.1: Đề xuất giải pháp rút ngắn quy trình, thủ tục cấp Giấy chứng nhận và đăng ký biến động đất đai .	PI 4.1: Đề xuất giải pháp quản lý bất động sản đáp ứng các yêu cầu của nền kinh tế thị trường.
	CI 4.2: Đề xuất phương án nâng cao khả năng khai thác, chia sẻ hệ thống cơ sở dữ liệu địa chính phục vụ giao dịch bất động sản an toàn.	
Kỹ năng		
CLO5: Thể hiện kỹ năng giao tiếp chuyên môn, xử lý tình huống và phối hợp làm việc nhóm hiệu quả với các bên liên quan trong ngành quản lý đất đai. CLO5: Thể hiện kỹ năng giao tiếp chuyên môn, xử lý tình huống và phối hợp làm việc nhóm hiệu quả với các bên liên quan trong ngành quản lý đất đai.	CI 5.1: Giao tiếp, giải thích rõ ràng và ứng xử phù hợp khi tư vấn thủ tục, giải quyết hồ sơ đất đai cho người dân/doanh nghiệp .	PI 5.1: Ứng xử phù hợp với các bên có liên quan trong môi trường làm việc chuyên nghiệp đa văn hóa, đa ngôn ngữ.
	CI 5.2: Tổ chức, điều phối và giải quyết xung đột hiệu quả khi làm việc nhóm để hoàn thành các nhiệm vụ học tập và thực tế.	
CLO6: Thao tác thành thạo các nghiệp vụ hành chính chuyên ngành để thiết lập, chỉnh lý hồ sơ	CI 6.1: Thực hiện đúng kỹ thuật nghiệp vụ xét duyệt hồ sơ, tiếp nhận và xử lý đăng ký biến động đất đai .	PI 6.2: Sử dụng hiệu quả các nghiệp vụ hành chính trong công tác đăng ký, thống kê

địa chính và lập báo cáo thống kê đất đai.	CI 6.2: Cập nhật, chỉnh lý chính xác thông tin trên các thành phần hồ sơ địa chính và hệ thống phần mềm chuyên ngành	đất đai, quy hoạch, quản lý và kinh doanh bất động sản.
	CI 6.3: Tổng hợp số liệu và lập hoàn chỉnh hệ thống biểu mẫu kết quả thống kê đất đai định kỳ.	
Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
CLO7: Khẳng định năng lực tự chủ, đạo đức nghề nghiệp, đưa ra và bảo vệ được các kết luận chuyên môn về tính pháp lý của đất đai và bất động sản.	CI 7.1: Độc lập tự học, tự nghiên cứu tài liệu và chủ động chịu trách nhiệm hoàn thành các báo cáo thực hành chuyên môn đúng tiến độ	PI 7.2: Đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân thuộc lĩnh vực Quản lý bất động sản.
	CI 7.2: Đưa ra kết luận chính xác về nguồn gốc, điều kiện pháp lý của hồ sơ đất đai; lập luận khoa học để bảo vệ quan điểm trước hội đồng vấn đáp.	

III. Nội dung tóm tắt của học phần

TM94109 - Đăng ký thống kê đất đai – Land registration and statistic (4TC:2 – 2 – 106 tiết).

Học phần này gồm: Đăng ký đất đai; Cấp giấy chứng nhận; Đăng ký biến động đất đai; Lập và quản lý hồ sơ địa chính; Thống kê đất đai.

IV. Phương pháp giảng dạy và học tập

4.1. Phương pháp giảng dạy

1) Giảng dạy kết hợp với phương tiện đa truyền thông
2) Nghiên cứu tình huống
3) Dạy học theo dự án
4) Tham quan thực tế
5) Đóng vai

4.2. Phương pháp học tập

1) Chủ động trong nghiên cứu tài liệu và nghe giảng trên lớp/ trực tuyến
2) Đặt câu hỏi, nêu ý kiến phản biện, giải quyết vấn đề
3) Đọc tài liệu chuẩn bị nội dung trước khi đến lớp/ tham dự buổi học trực tuyến
4) Chuẩn bị bài trước lớp, lớp trực tuyến, tổ thực hành

V. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải tham dự lớp học/lớp học trực tuyến tối thiểu 75% số giờ lý thuyết.
- Chuẩn bị cho bài giảng: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải đọc tài liệu tham khảo và bài giảng trước khi đến lớp học
- Thực hành: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải tham dự tất cả các buổi thực hành theo nhóm. Có đủ bài thực hành theo nhóm.
- Thi cuối kì: Một bài thi vấn đáp.

VI. Phương pháp đánh giá

6.1. Thang điểm: 10

6.2. Phương pháp đánh giá

Bảng 3. Kế hoạch đánh giá và trọng số điểm

Hoạt động đánh giá	Chuẩn đầu ra của HP được đánh giá	Chỉ báo chuẩn đầu ra HP được đánh giá	Điểm số phân bổ cho từng CI	Trọng số của CI trên điểm toàn phần (%)	Trọng số của HĐĐG (%)	Thời gian/ Tuần học
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Đánh giá chuyên cần					**10%**	
Chuyên cần & Thái độ	CLO7	CI 7.1	10	10%		Tuần 1 - 14
Đánh giá thường xuyên					**30%**	
Thực hành & Làm việc nhóm	CLO5	CI 5.2	2	6%		Tuần 3 - 14
	CLO6	CI 6.1	3	9%		
		CI 6.2	3	9%		
		CI 6.3	2	6%		
Đánh giá cuối kỳ					**60%**	
Thi kết thúc học phần (Vấn đáp)	CLO1	CI 1.1	2	12%		Sau khi kết thúc HP ít nhất 1 tuần
		CI 1.2	2	12%		
	CLO2	CI 2.2	2	12%		
	CLO3	CI 3.1	2	12%		
	CLO4	CI 4.1	2	12%		
TỔNG			**10 điểm**	**100%**	**100%**	

6.3. Rubric dùng cho các hoạt động đánh giá định tính

Rubric 1: Chuyên cần

Chỉ báo đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Hệ số	Thang đánh giá cho điểm			
			Tốt (8.5 – 10)	***Khá (6.5 – 8.4)***	***Trung bình (4.0 – 6.4)***	***Kém (0 – 3.9)***
CI 7.1: Độc lập tự học, chủ động chuẩn bị bài.	Mức độ chuyên cần	0.5	Tham dự từ 95% - 100% số tiết lý thuyết trên lớp.	Nghỉ không quá 2 buổi học có lý do chính đáng.	Nghỉ từ 3 buổi học.	Nghỉ từ 4 buổi trở lên (Không đủ điều kiện dự thi).
	Thái độ chuẩn bị bài và tương tác	0.5	Chủ động tương tác, hoàn thành xuất sắc các yêu cầu chuẩn bị bài trên hệ thống LMS trước khi đến lớp.	Có chuẩn bị bài đầy đủ, phát biểu thảo luận khi được yêu cầu.	Chuẩn bị bài còn đối phó; ít tham gia xây dựng bài.	Không chuẩn bị bài; thụ động, không tương tác.

Rubric 2: Thực hành

Chỉ báo chuẩn đầu ra HP được đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Hệ số của tiêu chí đánh giá	Thang đánh giá cho điểm			
			Tốt (8.5 – 10)	*Khá (6.5 – 8.4)*	*Trung bình (4.0 – 6.4)*	*Kém (0 – 3.9)*
CI 5.2: Điều phối và phối hợp làm việc nhóm.	Kỹ năng hợp tác và tổ chức nhóm	0.2	Chủ động gánh vác trách nhiệm, điều phối hoặc phối hợp nhóm rất nhịp nhàng, giải quyết tốt các xung đột tình huống.	Hoàn thành tốt phần việc cá nhân được phân công, có tinh thần tương tác với các thành viên khác.	Thực hiện nhiệm vụ nhóm còn chậm; tương tác lỏng lẻo.	Không tham gia vào hoạt động chung của nhóm thực hành.
CI 6.1: Nghiệp vụ xét duyệt hồ sơ đăng ký.	Năng lực kiểm tra, phân loại và xét duyệt	0.3	Phân loại và kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ địa chính chính xác 100%; hoàn thiện đúng biểu mẫu cấp GCN theo tình huống giả định.	Xét duyệt hồ sơ đúng quy trình; sai sót nhỏ không đáng kể ở các biểu mẫu (dưới 15%).	Quy trình xét duyệt còn lúng túng; điền sai nhiều thông tin cốt lõi trong phôi đơn.	Không nắm được thành phần hồ sơ; lập sai lệch hoàn toàn biểu mẫu.
CI 6.2: Chỉnh lý biến động trên hồ sơ địa chính.	Kỹ thuật cập nhật thông tin địa chính	0.3	Thao tác thành thạo, chỉnh lý biến động chính xác, đúng quy chuẩn trên Sổ địa chính/Sổ mục kê và phần mềm chuyên ngành.	Thực hiện được việc cập nhật thông tin chỉnh lý biến động nhưng tốc độ thao tác trên phần mềm còn chậm.	Chỉnh lý thông tin sai sót về mặt kỹ thuật; phải hướng dẫn lại nhiều lần.	Không thao tác được trên tài liệu địa chính; làm sai lệch dữ liệu gốc.
CI 6.3: Lập biểu mẫu thống kê đất đai.	Năng lực tổng hợp số liệu kỳ thống kê	0.2	Xử lý, tổng hợp số liệu quỹ đất chính xác; lập hoàn chỉnh, đồng bộ hệ thống biểu mẫu thống kê định kỳ theo quy định.	Điền đúng số liệu vào hệ thống biểu mẫu thống kê nhưng phần báo cáo thuyết minh số liệu chưa sâu.	Số liệu tổng hợp giữa các biểu mẫu còn bị lệch; báo cáo sơ sài.	Không tổng hợp được số liệu; không hoàn thành hệ thống biểu mẫu.

Rubrics 3 Đánh giá thi vấn đáp

Cấu trúc đề thi	Chỉ báo đánh giá	Thang đánh giá cho điểm			
		Tốt (8.5 – 10)	***Khá (6.5 – 8.4)***	***Trung bình (4.0 – 6.4)***	***Kém (0 – 3.9)***
Câu 1: Kiến thức nền tảng và thiết lập dự án *(Thang điểm 5.0)*	Ý 1 (2.5đ): CI 1.1 CI 1.2	Giải thích xuất sắc cơ sở pháp lý; vận dụng chính xác các quy định của Luật Đất đai để phân loại đối tượng sử dụng đất.	Trình bày đúng quy định pháp luật; phân loại đất đúng nhưng lập luận về bản chất kinh tế - xã hội chưa thật sâu sắc.	Trả lời được nội dung cốt lõi của luật nhưng còn nhầm lẫn một số đối tượng sử dụng đất phức tạp.	Sai lệch kiến thức pháp luật đất đai cơ bản; không phân loại được đất.
	Ý 2 (2.5đ): CI 2.2	Đề xuất được phương án tổ chức, biểu mẫu và quy trình thu thập số liệu kiểm kê quỹ đất rất chi tiết, có tính khả thi cao.	Nêu đầy đủ các bước của quy trình thống kê đất đai; tuy nhiên phương án tổ chức nhân lực còn chung chung.	Thuộc các bước lý thuyết trong giáo trình nhưng lúng túng khi thiết lập biểu mẫu cho một kỳ cụ thể.	Không trình bày được quy trình và biểu mẫu thống kê đất đai.
Câu 2: Tư duy biện luận và Đề xuất giải pháp *(Thang điểm 5.0)*	Ý 1 (2.5đ): CI 3.1	Phân tích sắc bén tính biến động và xu hướng dịch chuyển quyền sử dụng đất thông qua số liệu; liên hệ thực tiễn địa phương rõ ràng.	Phân tích được thực trạng biến động đất đai nhưng chưa chỉ ra được bản chất, xu hướng dịch chuyển của quỹ đất.	Trình bày số liệu biến động còn rời rạc; liên hệ thực tế địa phương mờ nhạt.	Không đọc hiểu được hồ sơ biến động; không phân tích được thực trạng.
	Ý 2 (2.5đ): CI 4.1	Đề xuất được các giải pháp cải tiến quy trình hành chính cấp GCN đột phá, có tính khả thi đáp ứng bối cảnh kinh tế thị trường.	Đề xuất giải pháp cải tiến hợp lý nhưng vẫn mang tính lý thuyết suông, chưa bám sát thực tế nghẽn mạch của thị trường.	Lập luận giải pháp còn yếu; thụ động hoặc lúng túng khi giảng viên đặt câu hỏi chất vấn ngược.	Không đưa ra được giải pháp; tư duy rời rạc hoặc bỏ cuộc.

VII. Giáo trình/tài liệu tham khảo

7.1. Giáo trình/Bài giảng

Đỗ Thị Đức Hạnh, Nguyễn Thị Thu Hương, Vũ Thanh Biển (2026), Bài giảng Đăng ký thống kê đất đai (Bản word và bản ppt cung cấp vào đầu học kỳ)

Giáo trình Đăng ký thống kê đất đai (2000). ĐH Kinh tế quốc dân

Giáo trình Thanh tra đất (2017). ĐH Nông nghiệp

7.2. Tài liệu tham khảo

Quốc hội (2024), Luật Đất đai 2024

VIII. Nội dung chi tiết của học phần

Tuần	Nội dung	Phương pháp giảng dạy	Phương pháp đánh giá	Chuẩn đầu ra của học phần được đánh giá
1	***Chương 1: Đăng ký đất và tài sản gắn liền với đất***			
	CĐR bài học (LLO) của chương 1: LLO1.1: Trình bày được lịch sử công tác đăng ký đất và tài sản gắn liền với đất tại Việt Nam LLO1.2: Trình bày được những quy định chung về công tác đăng ký đất và tài sản gắn liền với đất tạiViệt Nam hiện nay	Thuyết giảng tích hợp trên lớp	Đánh giá chuyên cần; Trao đổi trên lớp	CLO1, CLO5, CLO6.
	Nội dung giảng dạy lý thuyết: *(4 tiết)* 1.1. Đăng ký đất và tài sản gắn liền với đất tại Việt Nam trong thời kỳ trước 1.2. Đăng ký đất và tài sản gắn liền với đất tại Việt Nam hiện nay 1.3. Đăng ký quyền sử dụng đất, quyền quản lý đất đai 1.4. Đăng ký quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất 1.5. Đăng ký đất và tài sản gắn liền với đất trên thế giới			
	Nội dung seminar/thảo luận/Project/sử dụng hệ thống VNUA-LMS: *(1 tiết)* Các giai đoạn của đăng ký đất đai, đối tượng đăng ký của từng giai đoạn, nội dung thông tin đăng ký đất đai.			
	Nội dung tự học: *(20 tiết)* - Ôn kiến thức chương 1 - Chuẩn bị nội dung chương 2			
2	***Chương 2: Cấp giấy chứng nhận***			
	CĐR bài học của chương 2: LLO2.1: Áp dụng kiến thức về thủ tục, trình tự cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất. LLO2.2: Thể hiện thông tin trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp	Thuyết giảng tích hợp trên lớp,	Đánh giá chuyên cần; Trao đổi tại lớp, tình huống giả định	CLO1, CLO5, CLO6.
	Nội dung giảng dạy lý thuyết:*(4 tiết)* 2.1. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất 2.2. Đối tượng được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất 2.3. Nguyên tắc cấp giấy chứng nhận và căn cứ thực hiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất			

Tuần	Nội dung	Phương pháp giảng dạy	Phương pháp đánh giá	Chuẩn đầu ra của học phần được đánh giá
	2.4. Thẩm quyền cấp giấy chứng nhận và chỉnh lý biến động trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất 2.5. Thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất 2.6. Quản lý giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất			
	Nội dung seminar/thảo luận/Project/sử dụng hệ thống VNUA-LMS: *(1 tiết)* - Thể hiện thông tin trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo tình huống			
	Nội dung tự học: *(20 tiết)* - Ôn kiến thức chương 2 - Chuẩn bị nội dung chương 3			
3	***Chương 3: Đăng ký biến động về đất và tài sản gắn liền với đất***			
	CĐR bài học của chương 3: LLO3.1: Xác định đối tượng đăng ký biến động đất và tài sản gắn liền với đất LLO3.2: Áp dụng được quy trình thủ tục đăng ký biến động đất và tài sản gắn liền với đất	Giảng dạy dựa trên tình huống. Thuyết giảng tích hợp	Đánh giá chuyên cần; Trao đổi tại lớp, tình huống giả định	CLO1, CLO5, CLO6.
	Nội dung giảng dạy lý thuyết: *(3 tiết)* 3.1. Mục đích, yêu cầu và nguyên tắc đăng ký biến động 3.2. Đối tượng và trường hợp đăng ký biến động 3.3. Trách nhiệm đăng ký biến động 3.4. Quy trình đăng ký biến động 3.5. Thủ tục đăng ký biến động			
	Nội dung seminar/thảo luận/Project/sử dụng hệ thống VNUA-LMS: *(2 tiết)* - Quy trình đăng ký biến động			
	Nội dung tự học: *(20 tiết)* - Ôn kiến thức chương 3 - Chuẩn bị nội dung chương 4			
	Nội dung giảng dạy thực hành/thực nghiệm: *(5 tiết)* - Chuẩn bị và xét duyệt hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất.	Dạy học theo tình huống Tham quan thực tế	Đánh giá chuyên cần; Trao đổi tại lớp, tình huống giả định	CLO1, CLO5, CLO6.
4	***Chương 4: Lập và quản lý hồ sơ địa chính***			
	CĐR bài học của chương 4: LLO4.1: Xác định thành phần của hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu địa chính.	Thuyết giảng tích hợp	Đánh giá chuyên cần; Trao đổi tại lớp, tình	CLO1, CLO5, CLO6.

Tuần	Nội dung	Phương pháp giảng dạy	Phương pháp đánh giá	Chuẩn đầu ra của học phần được đánh giá
	LLO4.2: Vận dụng được nguyên tắc, nội dung lập và chỉnh lý hồ sơ địa chính.		huống giả định	
	Nội dung giảng dạy lý thuyết: (3 tiết) 4.1. Hồ sơ địa chính 4.2. Lập hồ sơ địa chính 4.3. Quản lý và sử dụng hồ sơ địa chính			
	Nội dung seminar/thảo luận/Project/sử dụng hệ thống VNUA-LMS: *(2 tiết)* Phân tích khả năng khai thác cơ sở dữ liệu địa chính hiện nay phục vụ hoạt động quản lý bất động sản.			
	Nội dung tự học: *(20 tiết)* - Ôn kiến thức chương 4 - Chuẩn bị nội dung chương 5			
	Nội dung giảng dạy thực hành: *(5 tiết)* - Chuẩn bị và xét duyệt hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất (tiếp)	Dạy học theo tình huống Tham quan thực tế	Đánh giá chuyên cần; Trao đổi tại lớp, tình huống giả định	CLO1, CLO5, CLO6.
5- 6	***Chương 5*: Thống kê đất đai**		**Thi cuối kỳ**	
	CĐR bài học của chương 5: LLO5.1: Xác định các chỉ tiêu thống kê đất đai. LLO5.2: Vận dụng được nguyên tắc, chỉ tiêu để lập báo cáo và biểu mẫu thống kê đất đai.	Giảng dạy dựa trên tình huống. Thuyết giảng tích hợp	Đánh giá chuyên cần; Trao đổi tại lớp, tình huống giả định	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
	Nội dung giảng dạy lý thuyết: (6 tiết) 5.1. Quy định chung về thống kê đất đai 5.2. Kết quả thống kê đất đai 5.3. Chỉ tiêu thống kê đất đai			
	Nội dung seminar/thảo luận/Project/sử dụng hệ thống VNUA-LMS: *(4 tiết)* Quản lý quỹ đất: Chúng ta đang có gì và đang sử dụng quỹ đất hiệu quả như thế nào?			
	Nội dung tự học: *(26 tiết)* - Ôn kiến thức chương 5			
	Nội dung giảng dạy thực hành: *(10 tiết)* - Lập hồ sơ địa chính	Dạy học theo tình huống Tham quan thực tế	Đánh giá chuyên cần; Trao đổi tại lớp, tình huống giả định	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
7-8	**Nội dung giảng dạy thực hành:** *(10 tiết)* - Lập hồ sơ địa chính	Dạy học theo tình huống Tham quan thực tế	Đánh giá chuyên cần; Trao đổi tại lớp, tình huống giả định	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6

Tuần	Nội dung	Phương pháp giảng dạy	Phương pháp đánh giá	Chuẩn đầu ra của học phần được đánh giá
9-10	**Nội dung giảng dạy thực hành:** *(10 tiết)* - Chỉnh lý hồ sơ địa chính	Dạy học theo tình huống Tham quan thực tế	Đánh giá chuyên cần; Trao đổi tại lớp, tình huống giả định	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
11-14	**Nội dung giảng dạy thực hành:** *(20 tiết)* Lập báo cáo và biểu mẫu thống kê	Dạy học theo tình huống Tham quan thực tế	Đánh giá chuyên cần; Trao đổi tại lớp, tình huống giả định	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6

IX. Điều kiện cơ sở vật chất phục vụ dạy và học học phần

- Phòng học, thực hành: Phòng học và phòng thực sạch sẽ, đủ sức chứa.
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Máy chiếu, phấn, bảng, bút chỉ, loa, mic; Phần mềm dạy trực tuyến phần mềm chuyên ngành, máy tính, hệ thống máy chủ và hạ tầng kết nối mạng Internet với băng thông đáp ứng nhu cầu người dùng, không để xảy ra nghẽn mạng hay quá tải. Phòng học trực tuyến đầy đủ ánh sáng, cách âm tốt, thông thoáng, ngăn nắp, gọn gàng, sạch sẽ.
- Hệ thống VNUA-LMS
- Các phương tiện khác: Không

Hà Nội, ngày tháng 5 năm 2026

TRƯỞNG BỘ MÔN

TS. Nguyễn Văn Quân

GIẢNG VIÊN PHỤ TRÁCH HỌC PHẦN

TS. Đỗ Thị Đức Hạnh

TRƯỞNG KHOA

PGS.TS. TRẦN TRỌNG PHƯƠNG

PHỤ LỤC
THÔNG TIN VỀ ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN GIẢNG DẠY HỌC PHẦN

Giảng viên phụ trách môn học

Họ và tên: Đỗ Thị Đức Hạnh	**Học hàm, học vị: Tiến sĩ, GVCC**
Địa chỉ cơ quan: Trâu Quỳ – Gia Lâm – Hà Nội	Điện thoại liên hệ: 0989.055.956
Email: dtdhanh@vnua.edu.vn	Trang web http://qldd.vnua.edu.vn/vi/tn-qldd.html
Cách liên lạc với giảng viên:	email; điện thoại, gặp trực tiếp

Giảng viên giảng dạy học phần

Họ và tên:Nguyễn Thị Thu Hương	**Học hàm, học vị: Thạc sĩ, GVC**
Địa chỉ cơ quan: Trâu Quỳ – Gia Lâm – Hà Nội	Điện thoại liên hệ: 0982420081
Email:ntthuongtnmt@vnua.edu.vn	Trang webhttp://qldd.vnua.edu.vn/vi/tn-qldd.html
Cách liên lạc với giảng viên:	email; điện thoại, gặp trực tiếp

Giảng viên giảng dạy học phần

2.2. Họ và tên: Vũ Thanh Biển	**Học hàm, học vị: Thạc sĩ**
Địa chỉ cơ quan: Trâu Quỳ – Gia Lâm – Hà Nội	Điện thoại liên hệ: 0973.367.356
Email: vtbien@vnua.edu.vn	Trang web http://qldd.vnua.edu.vn/vi/tn-qldd.html
Cách liên lạc với giảng viên:	email; điện thoại, gặp trực tiếp

CÁC LẦN CẢI TIẾN
(Đề cương được cải tiến hàng năm theo qui định của Học Viện)

- Cập nhật năm 2022: Cập nhật nội dung học phần; phương pháp giảng dạy (kết hợp giảng dạy online), phương pháp đánh giá, tài liệu tham khảo.
- Cập nhật năm 2023: Chỉnh sửa CĐR của học phần, mức đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT. CTĐT ngành QLĐĐ có 9 CĐR, 1 chuyên ngành Quản lý đất đai. Cập nhật nội dung học phần; phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá, tài liệu tham khảo.
- Cập nhật năm 2024: Cải tiến chương trình đào tạo. Chỉnh sửa chuẩn đầu ra của học phần và mức độ đóng góp của học phần cho CĐR CTĐT. Cập nhật nội dung học phần, phương pháp đánh giá, tài liệu tham khảo
- Cập nhật năm 2025:Chỉnh sửa, cập nhật nội dung học phần, phương pháp đánh giá, tài liệu tham khảo
- Cập nhật năm 2026:Chỉnh sửa chuẩn đầu ra của học phần và mức độ đóng góp của học phần cho CĐR CTĐT. Cập nhật nội dung học phần, phương pháp đánh giá, tài liệu tham khảo.